

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống
hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý
của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-STNMT ngày 26/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng... năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
3.	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4.	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5.	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6.	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

	hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.		
8.	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.	Môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện
9.	Phê duyệt chức năng nguồn nước nội tỉnh	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.	Lập, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
11.	Phê duyệt, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
12.	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
13.	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
14.	Phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
15.	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
16.	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh

17.	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
18.	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh
19.	Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
20.	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh	Tài nguyên Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
21.	Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu TN&MT.	Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
22.	Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
23.	Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
24.	Di dời, phá mốc đo đạc	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC NỘI BỘ

1. **Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Thẩm định, phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước. Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

- Bước 3: Đấu thầu thực hiện dự án xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thực hiện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Căn cứ văn bản trình của Sở Tài chính, UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Sau khi được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: căn cứ văn bản thẩm duyệt kinh phí thực hiện dự án của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị tư vấn (đơn vị trúng thầu) tổ chức thực hiện dự án, lập các báo cáo

chuyên đề và báo cáo tổng hợp. Căn cứ nội dung các báo cáo đã lập, xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt và Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thực hiện lấy ý kiến góp ý của tất cả các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình-Báo Bình Phước, các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt và Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh. Trong vòng 07 ngày (theo quy định tại khoản 3, Điều 10 của Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh) các đơn vị phải có văn bản trả lời.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) tiếp thu, tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình-Báo Bình Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sau khi tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện lại nội dung dự thảo và tiếp tục lấy ý kiến của các đơn vị có ý kiến góp ý phải chỉnh sửa, bổ sung. Việc lấy lại ý kiến được thực hiện theo như Bước 5.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Bước 8: UBND tỉnh thực hiện xem xét, ký ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định. Đối với bước đấu thầu, thực hiện theo Luật đấu thầu.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Luật Đấu thầu năm 2023;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh bình phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bình Phước khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan (Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban quản lý các khu bảo tồn, Vườn quốc gia,...) tổ chức xây dựng Dự thảo Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) tiến hành lấy ý kiến các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan (Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban quản lý các khu bảo tồn, Vườn quốc gia,...) đối với Dự thảo Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

- Bước 3: Sau khi nhận được ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện Dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp cần thiết sẽ tiến hành lấy ý kiến lần 2.

- Bước 4: Sau khi nhận đầy đủ ý kiến góp ý và Dự thảo đã được chỉnh sửa hoàn chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

- Bước 5: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thực hiện lấy ý kiến góp ý của tất cả các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình-Báo Bình Phước, các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh. Trong vòng 07 ngày (theo quy định tại khoản 3, Điều 10 của Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh) các đơn vị có văn bản trả lời.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) tiếp thu, tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình-Báo Bình Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sau khi tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện lại nội dung dự thảo và tiếp tục lấy ý kiến của các đơn vị có ý kiến góp ý phải chỉnh sửa, bổ sung. Việc lấy lại ý kiến được thực hiện theo như Bước 2.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét nội dung dự thảo Kế hoạch. UBND tỉnh thực hiện lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan đối với nội dung dự thảo Kế hoạch theo điểm a, Khoản 3 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bước 5: UBND tỉnh tiếp thu, tổng hợp ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan. UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh giải trình các nội dung góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện lại nội dung dự thảo, tiếp tục lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có ý kiến góp ý phải chỉnh sửa, bổ sung (nếu có). Việc lấy lại ý kiến được thực hiện theo như Bước 4.

- Bước 6: Căn cứ nội dung dự thảo đã được Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện theo ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, UBND tỉnh thực hiện xem xét, ký phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh theo quy định tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bình Phước khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

4. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố phối hợp với UBND xã/phường/thị trấn xác định khu vực nghi ngờ bị ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan (Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban quản lý Khu kinh tế; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố; UBND xã/phường/thị trấn) tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và điều tra, đánh giá chi tiết, xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả sau quá trình thực hiện ở bước 2.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan (Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban quản lý Khu kinh tế; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố; UBND xã/phường/thị trấn) xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan (Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban quản lý Khu kinh tế; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố; UBND xã/phường/thị trấn) về nội dung phương án đã thực hiện.

- Bước 6: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

- Bước 7: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

5. Ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn, các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án Xây dựng Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Thẩm định, phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước. Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

- Bước 3: Đấu thầu thực hiện dự án Xây dựng Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thực hiện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Căn cứ văn bản trình của Sở Tài chính, UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Sau khi được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: căn cứ văn bản thẩm duyệt kinh phí thực hiện dự án của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị tư vấn (đơn vị trúng thầu) tổ chức thực hiện dự án, lập các báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp. Căn cứ nội dung các báo cáo đã lập, xây dựng dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thực hiện lấy ý kiến góp ý của tất cả các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình – Báo Bình Phước, các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong vòng 07 ngày (theo quy định tại khoản 3, Điều 10 của Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh) các đơn vị phải có văn bản trả lời.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) tiếp thu, tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình – Báo Bình Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sau khi tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện lại nội dung dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tiếp tục lấy ý kiến của các đơn vị có ý kiến góp ý phải chỉnh sửa, bổ sung. Việc lấy lại ý kiến được thực hiện theo như Bước 5.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 8: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định. Đối với bước đấu thầu thực hiện theo Luật đấu thầu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh bình phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bình Phước khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

6. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn, các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án Xây dựng Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Thẩm định, phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước. Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, duyệt kinh phí thực hiện dự án.

- Bước 3: Đấu thầu thực hiện dự án Xây dựng Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án trên 01 tỷ đồng: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng Sở) xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thực hiện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Căn cứ văn bản trình của Sở Tài chính, UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Sau khi được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện dự án dưới 01 tỷ đồng: căn cứ văn bản thẩm duyệt kinh phí thực hiện dự án của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện đấu thầu dự án theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị tư vấn (đơn vị trúng thầu) tổ chức thực hiện dự án, lập các báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp. Căn cứ nội dung các báo cáo đã lập, xây dựng dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thực hiện lấy ý kiến góp ý của tất cả các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh,

Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình-Báo Bình Phước, các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong vòng 7 ngày (theo quy định tại khoản 3, Điều 10 của Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh) các đơn vị phải có văn bản trả lời.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) tiếp thu, tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể của tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh Truyền hình – Báo Bình Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sau khi tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện lại nội dung dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tiếp tục lấy ý kiến của các đơn vị có ý kiến góp ý phải chỉnh sửa, bổ sung. Việc lấy lại ý kiến được thực hiện theo như Bước 5.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bước 8: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Luật Đấu thầu năm 2023;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh bình phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bình Phước khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

7. Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng Dự thảo Quyết định ban hành Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

Thời gian thực hiện: không quy định.

- Bước 2: Lấy ý kiến các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan đối với Dự thảo Quyết định ban hành Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện Dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Quyết định ban hành Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh về lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

8. Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố chủ trì, tổ chức điều tra, rà soát, lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 2: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố tham mưu UBND huyện/thị xã/thành phố lấy ý kiến các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan đối với danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo trình UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, ban hành danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn và báo cáo UBND tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND huyện/thị xã/thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND huyện/thị xã/thành phố về danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

9. Phê duyệt chức năng nguồn nước nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định, phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.
- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.
- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chức năng nguồn nước nội tỉnh.
- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh phê duyệt chức năng nguồn nước nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

10. Lập, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

10.1. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ Danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành

lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10.2. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Phê duyệt, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

11.1. Phê duyệt dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.
- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.
- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11.2. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu điều chỉnh trên các sông, suối nội tỉnh theo định kỳ hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở:

Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt quyết định điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác tổ

chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình (trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Bước 4: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian trình, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: 42 ngày (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

13. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

13.1. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước

dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả

điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

13.2. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh (nếu có) theo định kỳ hoặc trong trường hợp cần thiết.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh hoặc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh làm thay đổi cơ bản về định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

- Có biến động lớn về nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, nhân tạo.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý

kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên kết có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 8: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện:

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

- Thời gian lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xây dựng danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

16. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chủ trì lập Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

17. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối theo ý kiến góp ý và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành

giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

18. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo ý kiến góp ý và phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

19. Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

19.1. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.
- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.
- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện Hồ sơ.
- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.
- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.
- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.
- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;
- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;
- Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

19.2. Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.

Đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ, ao, đầm, phá và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin

điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh bổ sung vào khỏi danh mục*); Báo cáo thuyết minh việc đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục*);

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

20. Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện đề xuất kế hoạch.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập Phương án BV KS chưa khai thác.

Bước 3: Lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình địa phương và địa phương;

Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 5: Trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án.

Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, Sở Tài nguyên và môi trường công bố, đăng tải quyết định trên Cổng thông tin điện tử.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ khi trình:

- Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.
- Tờ trình, dự thảo Quyết định.
- Bảng tổng hợp ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương.
- Các văn bản góp ý.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Khoáng sản năm 2010.

- Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khoáng sản.

21. Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu TN&MT.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở TN&MT xây dựng Kế hoạch khảo sát thực tế khối lượng hồ sơ, dữ liệu về tài nguyên môi trường tại các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã, thành phố.

- Bước 2: Sở TN&MT xây dựng Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trình UBND cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch.

- Bước 3: Sở TN&MT xây dựng dự toán, kinh phí thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Sở Tài chính thẩm định dự toán, kinh phí.

- Bước 4: UBND cấp tỉnh ký phê duyệt Kế hoạch.

- Bước 5: Sở TN&MT triển khai việc thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ thực hiện trên trang tiếp nhận và giải quyết công việc tại địa chỉ <https://dhtn.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc nộp trực tiếp tại Văn phòng UBND cấp tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình trình UBND cấp tỉnh phê duyệt về Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

- Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh .

- Những giấy tờ khác liên quan (như biên bản khảo sát thực tế khối lượng hồ sơ..)

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt

h) Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 về Ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính đính kèm

TÊN CQ,TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu
về tài nguyên và môi trường trên địa bàn
tỉnh Bình Phước năm....

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền).

I. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành văn bản

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Sự cần thiết ban hành

II. Nội dung của Kế hoạch

1. Mục đích

2. Yêu cầu

3. Phạm vi và nội dung thực hiện

3.1. Phạm vi thực hiện

3.2. Danh mục dữ liệu thu thập

4. Khối lượng tài liệu cần thu thập

4.1. Tại các sở, ngành cấp tỉnh

STT	Tên đơn vị	Số mét tài liệu cần thu thập	Dung lượng hồ sơ (Mb)
...			
	Tổng cộng		

4.2. Tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên đơn vị	Số mét tài liệu cần thu thập
...		
	Tổng cộng	

4.3. Tại các huyện, thị xã, thành phố

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số mét tài liệu cần thu thập
...		
	Tổng cộng	

5. Hình thức thu thập và thời gian giao nộp

III. Kinh phí thực hiện

IV. Tổ chức thực hiện

Kính trình [Cơ quan có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày ... tháng ... năm 2024

Số:

KẾ HOẠCH
Thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường
trên địa bàn.....

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tên cơ quan ban hành Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. PHẠM VI VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

2. Danh mục dữ liệu thu thập

3. Khối lượng tài liệu cần thu thập

3.1. Tại các sở, ngành cấp tỉnh

STT	Tên đơn vị	Số mét tài liệu cần thu thập	Dung lượng hồ sơ (Mb)

	Tổng cộng		

3.2. Tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

S TT	Tên đơn vị	Số mét tài liệu cần thu thập
	Tổng cộng	

3.3. Tại các huyện, thị xã, thành phố

S TT	TÊN ĐƠN VỊ	Số mét tài liệu cần thu thập
	Tổng cộng	

4. Hình thức thu thập và thời gian giao nộp

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nơi nhận:

- Cơ quan tài nguyên môi trường;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
Tên người đại diện

22. Lưu trữ thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Bước 2: Trong vòng 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Sở TN&MT tổ chức tiếp nhận, kiểm tra danh mục, số lượng, chất lượng và tính pháp lý của thông tin, dữ liệu, sản phẩm được bàn giao và lập biên bản giao nhận theo mẫu quy định.

- Bước 3: Sở TN&MT tổ chức lưu trữ và khai thác theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện giao, nộp trực tiếp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức về việc giao nộp sản phẩm.

- Thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc bản đồ được bàn giao.

- Biên bản giao nhận thông tin, dữ liệu và sản phẩm.

d) Thời gian thực hiện: 01 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục và sản phẩm được giao nộp và đưa vào lưu trữ, khai thác theo quy định.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Mẫu biên bản theo Mẫu số 06 Phụ lục I tại Nghị định Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM
ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Hôm nay, ngày thángnăm.....

Tại:.....(Trụ sở đơn vị tiếp nhận), chúng tôi gồm:

BÊN GIAO:

Đại diện là ông(bà):.....

Chức vụ:

BÊN NHẬN:

Đại diện là ông(bà):.....

Chức vụ:

Đã thực hiện việc giao nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của dự án (đề án), cụ thể như sau:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Chức vụ, ký họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Chức vụ, ký họ tên, đóng dấu)

23. Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở TN&MT lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị Sở TN&MT tiêu hủy.

- Bước 2: Sở TN&MT lập Tờ trình kèm theo thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị UBND cấp tỉnh tiêu hủy.

- Bước 3: UBND cấp tỉnh phê duyệt văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy hồ sơ hết giá trị sử dụng.

- Bước 4: Sở TN&MT thành lập: Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

Bước 5: Sở TN&MT xây dựng và ban hành:

+ Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

- Bước 5: Sở TN&MT thực hiện việc tiêu hủy hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ thực hiện trên ứng dụng điều hành tác nghiệp tỉnh Bình Phước

- Hoặc nộp trực tiếp tại Văn phòng UBND cấp tỉnh.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của Văn phòng Đăng ký đất đai về danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị Sở TN&MT tiêu hủy.

- Tờ trình của Sở TN&MT trình UBND cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường,

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của UBND cấp tỉnh ban hành về việc chấp thuận về việc tiêu hủy hồ sơ hết giá trị sử dụng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

- Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 về Ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và Môi trường.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính đính kèm

DANH MỤC TÀI LIỆU LOẠI/HẾT GIÁ TRỊ
Khối tài liệu:.....

Bó/gói số	Tập số	Tiêu đề tập tài liệu	Lý do loại, hủy	Ghi chú

Hướng dẫn cách ghi:

Khối: Ghi tên khối tài liệu

(1): Ghi thứ tự các bó (cặp) tài liệu. Số thứ tự được ghi liên tục cho một khối tài liệu.

(2): Ghi số thứ tự hồ sơ hoặc tập tài liệu hết giá trị trong từng bó (cặp).

(3): Ghi tiêu đề của hồ sơ hoặc tài liệu hết giá trị. Tiêu đề tài liệu hết giá trị phải phản ánh hết nội dung tài liệu bên trong.

(4): Ghi lý do hủy tài liệu như: Hết thời hạn bảo quản; trùng; tài liệu bị rách nát không còn khả năng phục hồi; bản nháp; tư liệu tham khảo; bản chụp ...

(5): Ghi ý kiến của Hội đồng xác định giá trị tài liệu hoặc các ghi chú khác.

TÊN CQ,TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm tra thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc hết giá trị....

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền).

Căn cứ Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan)

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm tra) thẩm định tài liệu hết giá trị

I. Nội dung

1. Mục đích

2. Yêu cầu

3. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị cần tiêu hủy

(kèm theo danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị)

4. Khối lượng thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị cần tiêu hủy

5. Hình thức tiêu hủy

II. Tổ chức thực hiện

Kính trình [Cơ quan có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)*

24. Di dời, phá dỡ mốc đo đạc

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ yêu cầu di dời mốc đo đạc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến bộ phận Văn thư của Sở Tài nguyên và Môi trường (trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời). Bộ phận Văn thư tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho cán bộ chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cần di dời.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh văn bản chấp thuận cho di dời mốc đo đạc (đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh) hoặc tham mưu UBND tỉnh gửi văn bản tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để xin ý kiến giải quyết (đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh).

- Bước 3: Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật – dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình UBND tỉnh phê duyệt (đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh); Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh thì gửi thiết kế kỹ thuật – dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán di dời mốc đo đạc.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc và bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính theo địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức về việc yêu cầu di dời (trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời);

- Thiết kế kỹ thuật – dự toán di dời mốc đo đạc;

- Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: không quy định.

Riêng Bước 5 thì trong thời hạn 10 ngày sau khi nhận được kinh phí từ cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán do UBND tỉnh phê duyệt.

- Hồ sơ bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa.

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa (Mẫu 03 Phụ lục 1 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ);

- Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc (Mẫu 04 Phụ lục 1 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ);

- Biên bản bàn giao danh sách mốc đo đạc (Mẫu 05 Phụ lục 1 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại..... (xã/phường/thị trấn)
..... (thành phố/quận/huyện) (tỉnh/thành
phố).....

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao)

- Đại diện chủ đầu tư: Chức vụ:.....

- Đại diện đơn vị thi công: Chức vụ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Người chứng kiến:

Tên chủ sử dụng đất (1):..... Số CMND/căn cước công dân

Tên chủ sử dụng đất (2):..... Số CMND/căn cước công dân

Đã tiến hành bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan, cụ thể như sau.

1. Số hiệu mốc đo đạc.....

2. Vị trí mốc đo đạc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số.....
thuộc tờ bản đồ địa chính số..... thuộc quyền sử dụng đất của các ông/bà (1),
(2).....

Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc (lập theo Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này).

Ủy ban nhân dân xã..... có trách nhiệm công khai vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc để các tổ chức, cá nhân biết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Biên bản này được đọc cho mọi người tham dự cùng nghe và được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; 01 bản giao cho Ủy ban nhân dân xã.....; mỗi chủ sử dụng đất có liên quan giữ 01 bản; chủ đầu tư giữ 03 bản.

BÊN GIAO
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

BÊN NHẬN
CHỦ TỊCH UBND XÃ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký, họ tên)

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐC ĐO ĐẶC, HÀNH LANG BẢO VỆ MỐC ĐO ĐẶC⁽¹⁾

1. Số hiệu mốc đo đặc.....; loại mốc đo đặc: (tọa độ, độ cao, trọng lực), cấp hạng mốc đo đặc

Kinh độ:

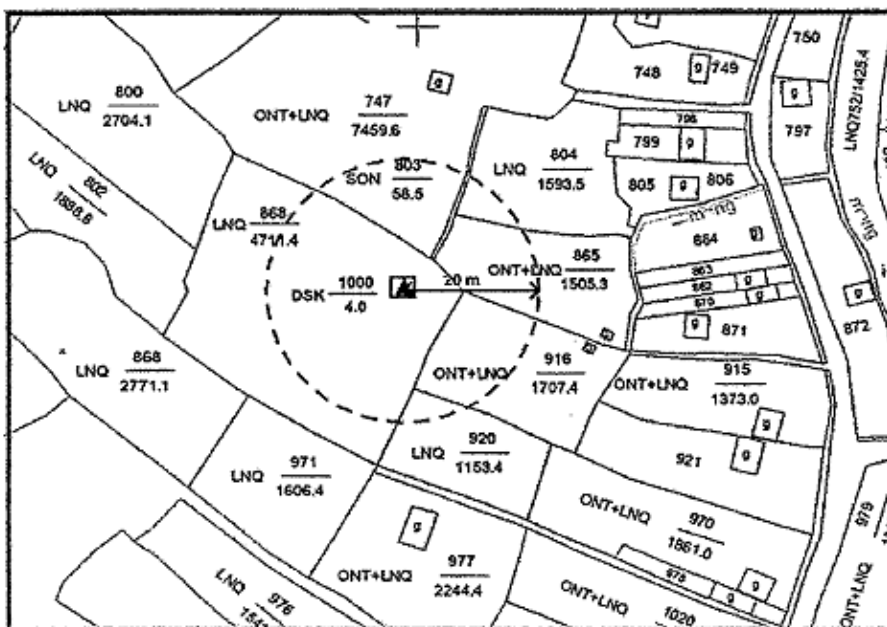
Vĩ độ:

2. Vị trí mốc đo đặc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số..... thuộc tờ bản đồ địa chính số

3. Các chủ sử dụng đất liên quan:.....

Diện tích đất xây dựng mốc đo đặc..... m²;

Phạm vi hành lang bảo vệ mốc đo đặc: (bán kính tính từ tâm mốc theo quy định tại Điều 15 Nghị định này đối với từng loại mốc);



(Kích thước sơ đồ tối thiểu là 14 cm x 14 cm)

NGƯỜI LẬP SƠ ĐỒ

(Ký, họ và tên)

....., ngày tháng năm

ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ....

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Được lập trên bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục bản trích đo địa chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

BẢN GIAO DANH SÁCH MỐC ĐO ĐẠC

Hôm nay, ngày.....tháng...năm....., tại: ⁽¹⁾(tỉnh/thành phố).....

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao)

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Sở Tài nguyên và Môi trường (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Đã tiến hành bàn giao danh sách mốc đo đạc trên địa bàn tỉnh/thành phố....., cụ thể như sau:

1. Danh sách mốc đo đạc

STT	Số hiệu mốc	Cấp hạng	Nơi đặt mốc (Tên đơn vị hành chính cấp xã)
1			
2			
3			
...			

2. Sơ đồ vị trí mốc đo đạc

Tổng số có sơ đồ vị trí mốc đo đạc tương ứng với danh sách mốc đo đạc.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 02 bản; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giữ 02 bản./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC
UBND CẤP TỈNH**
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.